

Quick Setup Guide

Guide de configuration rapide

QM43R QM49R QM55R QM65R QM75R

* The colour and the appearance may differ depending on the product, and the content in the manual is subject to change without prior notice to improve the performance.
* Download the user manual from the website for further details.
<http://www.samsung.com/displaysolutions>

* La couleur et l'aspect du produit peuvent varier en fonction du modèle, et le contenu dans le manuel peut être modifié sans préavis pour des raisons d'amélioration des performances.
* Téléchargez le manuel utilisateur du site Web pour obtenir plus de détails.



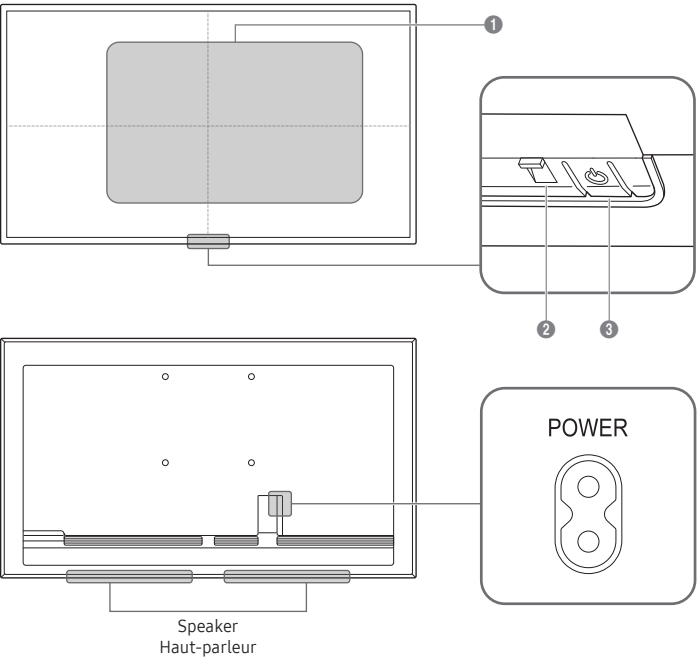
The terms HDMI and HDMI High-Definition Multimedia Interface, and the HDMI Logo are trademarks or registered trademarks of HDMI Licensing LLC in the United States and other countries.



BN68-09660M-00

Parts

Pièces

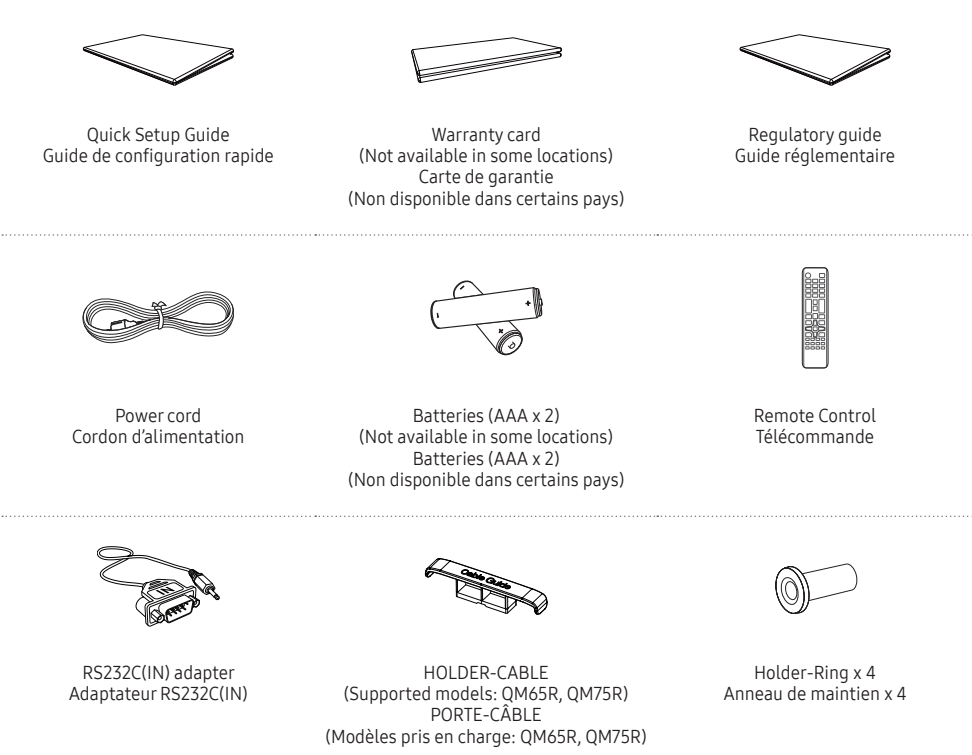


English
1 Remote sensor
Press a button on the remote control pointing at the sensor on the front of the product to perform the corresponding function.
* Using other display devices in the same space as the remote control of this product can cause the other display devices to be inadvertently controlled.
2 Power indicator
3 Power button
Turns the product on or off.

Français
1 Capteur de la télécommande
Appuyez sur un bouton de la télécommande tout en pointant cette dernière vers le capteur situé à l'avant du produit pour exécuter la fonction correspondante.
* Si vous utilisez la télécommande de ce produit dans le même espace que d'autres périphériques d'affichage, il se peut que ces derniers soient commandés par mégarde.
2 Indicateur d'alimentation
3 Bouton d'alimentation
Permet d'activer ou de désactiver le produit.

Checking the Components

Verification des composants



English
Contact the vendor where you purchased the product if any components are missing.
The pictures may look different from the actual components.

Tiếng Việt
Liên hệ với nhà cung cấp nơi bạn mua sản phẩm nếu có thành phần nào bị thiếu.
Ảnh có thể trông khác với các thành phần thực tế.

Français
Si il manque le moindre composant, contactez le revendeur auprès duquel vous avez acheté le produit.
Les représentations peuvent ne pas correspondre aux composants.

العربية
إذا لم يتوفر أي مكون، فراجع المورد الذي اشتريته منه المنتج في حالة عدم وجود أي مكونات.
قد تبدو الصور مختلفة عن المكونات الفعلية.

Português
Contacte o vendedor onde adquiriu o produto caso haja componentes em falta.
As imagens podem ter um aspeto diferente dos componentes reais.

Português
1遙控感應器
Prima um botão do telecommando apontando para o sensor localizado na parte frontal do produto para executar a função correspondente.
* Se utilizar outros dispositivos de visualização no mesmo espaço do telecommando deste produto poderá vir a controlar estes outros dispositivos acidentalmente.
2指示燈
3電源按鈕
Liga e desliga o produto.

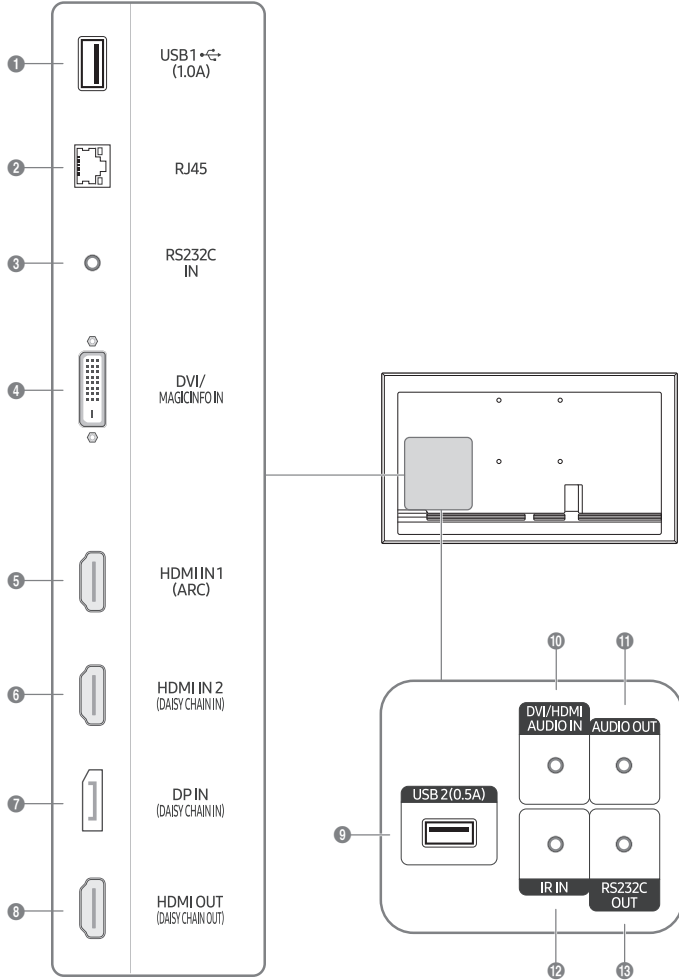
Tiếng Việt
1 Cảm biến từ xa
Nhấn nút trên điều khiển từ xa vào cảm biến trên mặt trước của sản phẩm để thực hiện chức năng tương ứng.
* Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.
2 Chỉ báo nguồn
3 Nút nguồn
Bật hoặc tắt sản phẩm.

繁體中文
1遙控感應器
對著產品正面的感應器按下遙控器上的按鈕，執行相對應的功能。
*在相同地點點與本產品的遙控器一併使用其他顯示裝置，可能會導致其他顯示裝置發生未能如期預受控制。
2電源指示燈
3電源按鈕
開啓或關閉產品。

العربية
1 مستشعر وحدة التحكم عن بُعد
اضغط على زر في جهاز التحكم عن بُعد مع توجيهه إلى المستشعر الموجود بمقدمة المنتج لإجراء الوظيفة المطلوبة.
* استخدام أجهزة العرض الأخرى في نفس مساحة وحدة التحكم عن بُعد الخاصة بهذا المنتج قد يؤدي إلى التحكم في هذه الأجهزة دون قصد.
2 مؤشر الطاقة
3 زر الطاقة
تشغيل المنتج أو إيقاف تشغيله.

Ports

Ports



English
1 Connect to a USB memory device.
* The USB ports on the product accept a maximum constant current of 1.0A. If the maximum value is exceeded, USB ports may not work.
2 Connects to MDC using a LAN cable. (10/100 Mbps)
3 Connects to MDC using an RS232C adapter.
4 DVI IN: Connects to a source device using a DVI cable or HDMI-DVI cable.
MAGICINFO IN: Connects to a network box using DP-DVI cable to use Magicinfo.
5 Connects to a source device using a HDMI cable or HDMI-DVI cable.
6 Connects to a source device using a HDMI cable or HDMI-DVI cable.
Connects to another product using a HDMI cable.
7 Connects to a PC using a DP cable.
8 Connects to another product using a HDMI cable.
9 Connect to a USB memory device.
* The USB ports on the product accept a maximum constant current of 0.5A. If the maximum value is exceeded, USB ports may not work.
10 Receives sound from a source device via an audio cable.
11 Outputs sound to an audio device via an audio cable.
12 Connects to an external IR cable that receives signals from the remote control.
13 Connects to MDC using an RS232C adapter.

Français
1 Permet de se connecter à un périphérique de mémoire USB.
* Les ports USB sur le produit acceptent un courant constant maximal de 1,0 A. Si la valeur maximale est dépassée, les ports USB ne fonctionneront pas.
2 Permet de se connecter à MDC via un câble LAN. (10/100 Mbit/s)
3 Connexion au MDC grâce à un adaptateur RS232C.
4 DVI IN: Connexion à un périphérique source à l'aide d'un câble DVI ou HDMI-DVI.
MAGICINFO IN: Se connecte à un boîtier réseau à l'aide d'un câble DP-DVI pour utiliser Magicinfo.
5 Connexion à un périphérique source à l'aide d'un câble HDMI ou HDMI-DVI.
6 Connexion à un périphérique source à l'aide d'un câble HDMI ou HDMI-DVI.
Permet de se connecter à un autre produit via un câble HDMI.
7 Permet de se connecter à un ordinateur via un câble DP.
8 Permet de se connecter à un autre produit via un câble HDMI.
9 Permet de se connecter à un périphérique de mémoire USB.
* Les ports USB sur le produit acceptent un courant constant maximal de 0,5 A. Si la valeur maximale est dépassée, les ports USB ne fonctionneront pas.
10 Reçoit le son provenant d'un appareil source via un câble audio.
11 Émet du son vers un appareil audio via un câble audio.
12 Permet la connexion à un câble IR externe qui reçoit les signaux de la télécommande.
13 Connexion au MDC grâce à un adaptateur RS232C.

Contact SAMSUNG WORLD WIDE

Comment contacter Samsung dans le monde

Web site: <http://www.samsung.com>

Area	Customer Care Centre
ALGERIA	3004
AUSTRALIA	1300 362 603
BAHRAIN	8000-GSAM (8000-4726)
BANGLADESH	09612300300 08000300300 (Toll free)
CAMBODIA	+855-23-993232 1800-20-3232 (Toll free)
CAMEROON	67095 0077
COTE D'IVOIRE	8000 0077
DRC	499 999
EGYPT	08000-7267864 16580
GHANA	0800 100 077
HONG KONG	3698 4698
INDIA	1800 40 SAMSUNG (1800 40 7267864) (Toll-Free)
INDONESIA	021-5699-7777 0800-112-8888 (Toll Free)
IRAN	021-8255
IRAQ	80010080
ISRAEL	*6963
JORDAN	0800-22273 06 5777444

Area	Customer Care Centre
KENYA	0800 545 545
KUWAIT	183-CALL (183-2255)
LAOS	+856-214-17333
LEBANON	1299
MACAU	0800 333
MALAYSIA	1800-88-9999 +603-7713 7420 (Overseas contact)
MAURITIUS	800 2550
MOROCCO	080 100 22 55
MOZAMBIQUE	84 726 7864
MYANMAR	+95-1-2399-888
NAMIBIA	08 197 267 864
NEPAL	16600172667 (Toll Free for NTC Only) 9801572667
NEW ZEALAND	0800 726 786
NIGERIA	0800 726 7864
OMAN	800-SAM CS (800-72627)
PAKISTAN	0800-Samsung (72678)
PHILIPPINES	1-800-10-726-7864 [PLDT Toll Free] 1-800-8-726-7864 [Globe Landline and Mobile] 02- 422-2111 [Standard Landline]

Area	Customer Care Centre
QATAR	800-CALL (800-2255)
REUNION	0262 50 88 80
RWANDA	9999
SAUDI ARABIA	(+966) 8002474357 (800 24/7 HELP)
SENEGAL	800 00 0077
SINGAPORE	1800 7267864 1800-SAMSUNG
SOUTH AFRICA	0860 SAMSUNG (726 7864)
SRI LANKA	+9411SAMSUNG (+94117267864)
SUDAN	1969
TAIWAN	0800-32-9999 0809-00-5237 (82B / Dealer)
TANZANIA	0800 780 089
THAILAND	0-2689-3232 1800-29-3232 (Toll free)
TUNISIA	80 100 012
U.A.E	800-SAMSUNG (800 - 726 7864)
UGANDA	0800 300 300
VIETNAM	1800 588 889
ZAMBIA	0211 350 370

Português
1 Ligue a um dispositivo de memória USB.
* As portas USB do produto aceitam até 1,0 A de corrente contínua. Se o valor máximo for excedido, as portas USB podem não funcionar.
2 Liga-se ao MDC através de um cabo LAN. (10/100 Mbps)
3 Liga-se a um MDC utilizando um adaptador RS232C.
4 DVI IN: Liga-se a um dispositivo de entrada utilizando um cabo DVI ou HDMI-DVI.
MAGICINFO IN: Liga-se a uma caixa de rede utilizando o cabo DP-DVI para utilizar o Magicinfo.
5 Liga-se a um dispositivo de entrada utilizando um cabo HDMI ou HDMI-DVI.
6 Liga-se a outro produto através de um cabo HDMI.
7 Liga-se a um PC através de um cabo DP.
8 Liga-se a outro produto através de um cabo HDMI.
9 Ligue a um dispositivo de memória USB.
* As portas USB do produto aceitam até 0,5 A de corrente contínua. Se o valor máximo for excedido, as portas USB podem não funcionar.
10 Recebe o som de um dispositivo de entrada através de um cabo de áudio.
11 Emite som para um dispositivo de áudio através de um cabo de áudio.
12 Liga a um cabo IR externo que recebe sinais do telecommando.
13 Liga-se a um MDC utilizando um adaptador RS232C.

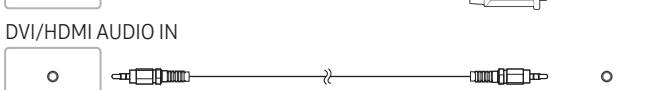
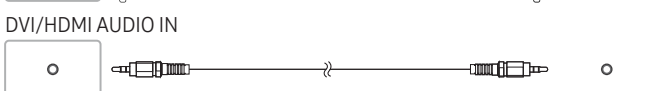
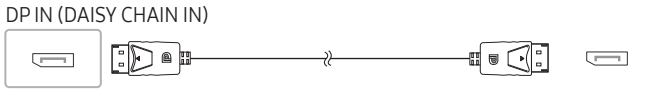
Tiếng Việt
1 Kết nối với thiết bị nhớ USB.
* Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện không đổi tối đa là 1,0A. Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
2 Kết nối với MDC bằng cáp LAN. (10/100 Mbps)
3 Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.
4 DVI IN: Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp DVI hoặc cáp HDMI-DVI.
MAGICINFO IN: Kết nối với hộp mạng bằng cáp DP-DVI để sử dụng Magicinfo.
5 Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI.
6 Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI.
Kết nối với sản phẩm khác bằng cáp HDMI.
7 Kết nối với PC bằng cáp DP.
8 Kết nối với sản phẩm khác bằng cáp HDMI.
9 Kết nối với thiết bị nhớ USB.
* Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện không đổi tối đa là 0,5A. Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
10 Nhận âm thanh từ thiết bị nguồn qua cáp âm thanh.
11 Đưa âm thanh ra thiết bị âm thanh qua cáp âm thanh.
12 Kết nối với cáp IR bên ngoài để nhận tín hiệu từ điều khiển từ xa.
13 Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.

繁體中文
1 連接至 USB 記憶裝置。
* 本產品上的 USB 連接埠接受最大恆定電流 1.0A。若超過最大值，USB 連接埠可能無法運作。
2 使用 LAN 纜線連接至 MDC。 (10/100 Mbps)
3 使用 RS232C 轉接器連接至 MDC。
4 DVI IN: 使用 DVI 纜線或 HDMI-DVI 纜線連接至訊號源裝置。
MAGICINFO IN: 使用 DP-DVI 纜線連接至網路盒，以便使用 Magicinfo。
5 使用 HDMI 纜線或 HDMI-DVI 纜線連接至訊號源裝置。
6 使用 HDMI 纜線或 HDMI-DVI 纜線連接至其他產品。
7 使用 DP 纜線連接至電腦。
8 使用 HDMI 纜線連接至其他產品。
9 連接至 USB 記憶裝置。
* 本產品上的 USB 連接埠接受最大恆定電流 0.5A。若超過最大值，USB 連接埠可能無法運作。
10 透過音訊纜線從來源裝置接收聲音。
11 透過音訊纜線將聲音輸出到音訊裝置。
12 連接至接收遙控器訊號的外部 IR 纜線。
13 使用 RS232C 轉接器連接至 MDC。

العربية
1 التوصيل بجهاز ذاكرة USB.
* تعتمد منافذ USB بالمنتج تيارًا مستمرًا بحد أقصى 1.0 أمبير. وفي حالة تجاوز أقصى قيمة، قد لا تعمل منافذ USB.
2 التوصيل بالمنتج MDC باستخدام كابل LAN (10/100). LAN (10/100 ميجابت في الثانية)
3 التوصيل ببرنامج MDC باستخدام محوّل RS232C.
4 DVI IN: للتوصيل بجهاز مصدر باستخدام كابل DVI أو كابل HDMI-DVI.
MAGICINFO IN: التوصيل بمسودق شبكة باستخدام كابل DP-DVI لاستخدام Magicinfo.
5 للتوصيل بجهاز مصدر باستخدام كابل HDMI أو كابل HDMI-DVI.
6 للتوصيل بجهاز مصدر باستخدام كابل HDMI أو كابل HDMI-DVI.
التوصيل بمنتج آخر باستخدام كابل HDMI.
7 DP للتوصيل بالكمبيوتر باستخدام كابل.
8 التوصيل بمنتج آخر باستخدام كابل HDMI.
9 التوصيل بجهاز ذاكرة USB.
* تعتمد منافذ USB بالمنتج تيارًا مستمرًا بحد أقصى 0.5 أمبير. وفي حالة تجاوز أقصى قيمة، قد لا تعمل منافذ USB.
10 يستقبل الصوت من الجهاز المصدر بواسطة كبل صوت.
11 يقوم بإخراج الصوت إلى جهاز صوت عبر كبل صوت.
12 يتصل بكبل IR خارجي يستقبل إشارات من جهاز التحكم عن بُعد.
13 التوصيل ببرنامج MDC باستخدام محوّل RS232C.

Connecting and Using a Source Device Connexion et utilisation d'un périphérique source

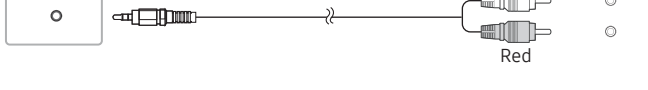
Connecting to a PC Connexion à un PC



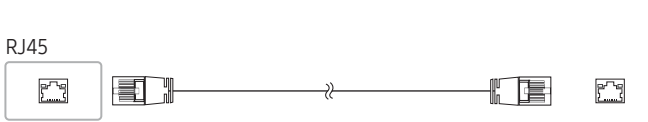
Connecting to an Audio System Branchement à un système audio



Connecting to a Video Device Connexion à un appareil vidéo



Connecting the LAN Cable Connexion du câble LAN



English
Use Cat7(*STP Type) cable for the connection. (10/100 Mbps)
*Shielded Twist Pair

Tiếng Việt
Sử dụng cáp Cat 7(loại *STP) để kết nối. (10/100 Mbps)

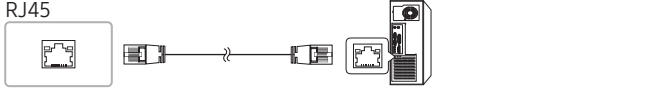
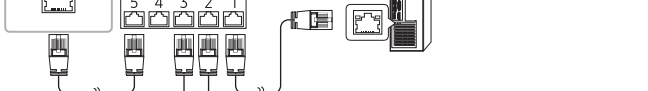
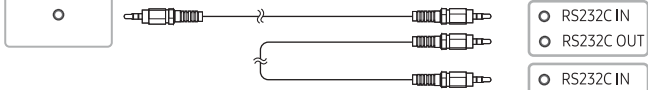
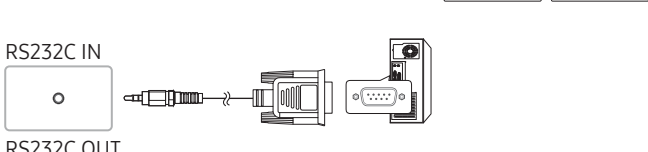
Français
Utilisez le câble Cat 7(type *STP) pour la connexion. (10/100 Mbit/s)
*Shielded Twist Pair

繁體中文
使用 Cat 7 (*STP 類型) 纜線進行連接。 (10/100 Mbps)

Português
Utilize um cabo Cat 7 (*tipo STP) para a ligação. (10/100 Mbps)

العربية
استخدم كبل Cat 7 (نوع *STP) للتوصيل. (10/100 ميجابت في الثانية)

Connecting to MDC Connexion à MDC



English
For details on how to use the MDC programme, refer to Help after installing the programme. The MDC programme is available on the website.
http://www.samsung.com/display/solutions

Tiếng Việt
Để biết chi tiết về cách sử dụng chương trình MDC, hãy tham khảo Trợ giúp sau khi cài đặt chương trình.
Chương trình MDC có sẵn trên trang web.

Français
Pour obtenir des détails sur la manière d'utiliser le programme MDC, reportez-vous à l'Aide après avoir installé le programme. Le programme MDC est disponible sur le site Web.

繁體中文
關於如何使用 MDC 程式的詳細資訊，請在安裝該程式後參見說明。
MDC 程式可在網站上取得。

Português
Para obter detalhes sobre como usar o programa MDC, consulte a Ajuda depois de instalar o programa. O programa MDC está disponível no site.

العربية
للحصول على تفاصيل حول كيفية استخدام برنامج MDC، راجع التعليمات بعد تثبيت البرنامج. برنامج MDC متاح على موقع الويب.

Troubleshooting Guide Guide de dépannage

Issues	Solutions
The screen keeps switching on and off.	Check that the cable between the product and the PC is connected correctly.
No Signal is displayed on the screen.	Check that the product is connected correctly with a cable. Check that the source device connected to the product is powered on. Depending on the type of external device, the screen may not display properly. In this case, connect it with the HDMI Hot Plug function turned On .
Not Optimum Mode is displayed.	This message is displayed when a signal from the graphics card exceeds the product's maximum resolution and frequency. Refer to the Standard Signal Mode Table and set the maximum resolution and frequency according to the product specifications.

Problèmes	Solutions
L'écran s'allume et s'éteint continuellement.	Vérifiez que le câble entre le produit et le PC est connecté correctement.
Aucun signal s'affiche à l'écran.	Vérifiez que l'appareil est connecté correctement à l'aide d'un câble. Assurez-vous que le périphérique source connecté au produit est sous tension. Selon le type de périphérique externe, l'écran peut ne pas s'afficher correctement. Dans ce cas, connectez-le avec la fonction HDMI Hot Plug mise sur Activé .
Mode non optimal est affiché.	Ce message s'affiche lorsqu'un signal émis par la carte graphique est supérieur à la fréquence et la résolution maximales de l'appareil. Consultez le tableau des modes de signal standard et réglez la fréquence et la résolution maximales conformément aux spécifications de l'appareil.

Problemas	Soluções
O ecrã está continuamente a ligar e a desligar.	Verifique se o cabo entre o produto e o PC está ligado corretamente.
A mensagem Sem sinal é apresentada no ecrã.	Verifique se o produto está ligado corretamente com um cabo. Verifique se o dispositivo fonte ligado ao produto está ligado. Consoante o tipo de dispositivo externo, o ecrã pode não ser apresentado corretamente. Neste caso, ligue-o com a função Lig. Instantânea HDMI definida como Ligado .
A mensagem Modo inadequado é apresentada.	Esta mensagem é apresentada quando um sinal da placa gráfica ultrapassa a resolução e a frequência máximas do produto. Consulte a Tabela do modo de sinal padrão e defina a resolução e a frequência máximas de acordo com as especificações do produto.

Các vấn đề	Giải pháp
Màn hình liên tục bật và tắt.	Kiểm tra xem cáp giữa sản phẩm và PC có được kết nối chính xác không.
No Signal được hiển thị trên màn hình.	Kiểm tra xem sản phẩm có kết nối đúng với cáp chưa. Kiểm tra xem thiết bị nguồn kết nối với sản phẩm có bật không. Tùy vào loại thiết bị ngoại vi, có thể màn hình sẽ không hiển thị đúng cách. Trong trường hợp này, kết nối thiết bị với chức năng HDMI Hot Plug đang On .
Not Optimum Mode được hiển thị.	Thông báo được hiển thị khi một tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải và tần số tối đa. Tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn và cài đặt độ phân giải và tần số tối đa theo thông số sản phẩm.

問題	解決方法
螢幕不斷開啓和關閉。	檢查產品與電腦之間的纜線是否正確連接。
No Signal 顯示。	檢查產品是否已經使用纜線正確連接。 檢查連接至產品的來源裝置是否已經開啓電源。 根據外部裝置類型，螢幕可能無法正常顯示。在此情況下，請於 HDMI 熱插拔 功能為 開啓 時進行連接。
顯示非最佳化模式。	圖形卡所發出的訊號超過產品的最大解析度和頻率時，就會顯示此訊息。 請參閱「標準訊號模式表」，並根據產品規格設定最大解析度與頻率。

المشاكل	الحلول
يتم تشغيل الشاشة ثم إيقاف تشغيلها بشكل متكرر.	تحقق من توصيل الكابل بين المنتج والكمبيوتر الشخصي بشكل صحيح.
يتم عرض لا توجد إشارة على الشاشة.	تحقق من توصيل المنتج بشكل صحيح من خلال كابل. تأكد من تشغيل الجهاز المصدر المتصل بالمنتج. وفقًا لنوع الجهاز الخارجي، قد لا يتم عرض الشاشة بشكل صحيح. في هذه الحالة، قم بتوصيلها مع ضبط وظيفة موصل HDMI سريع على وضع التشغيل/تسغيل.
يتم عرض هذه الرسالة عند تجاوز الإشارة الواردة من بطاقة الرسومات لأقصى دقة وتزداد.	المنتج.
يتم عرض ليس الوضع الأمثل.	ارجع إلى "جدول الأوضاع القياسية للإشارات" واضبط أقصى دقة وتزد وفقًا لمواصفات المنتج.



English Specifications

Model Name	QM43R	QM49R	QM55R
Panel	Size 43 CLASS (42.5 inches / 107.9 cm)	49 CLASS (48.5 inches / 123.2 cm)	55 CLASS (54.6 inches / 138.7 cm)
	Display area 941.184 mm (H) x 529.416 mm (V)	1073.78 mm (H) x 604.0 mm (V)	1209.6 mm (H) x 680.4 mm (V)
Model Name	QM65R		QM75R
Panel	Size 65 CLASS (64.5 inches / 163.9 cm)	75 CLASS (74.5 inches / 189.3 cm)	
	Display area 1428.48 mm (H) x 803.52 mm (V)	1650.24 mm (H) x 928.26 mm (V)	
Power Supply		AC100-240V~ 50/60Hz Refer to the label at the back of the product as the standard voltage can vary in different countries.	
Environmental considerations	Operating	Temperature: 0 °C ~ 40 °C (32 °F ~ 104 °F) Humidity: 10% ~ 80%, non-condensing	
	Storage	Temperature: -20 °C ~ 45 °C (-4 °F ~ 113 °F) Humidity: 5% ~ 95%, non-condensing	

* This device is a Class B digital apparatus.
* For detailed device specifications, visit the Samsung Electronics website.

Français Caractéristiques techniques

Nom du modèle	QM43R	QM49R	QM55R
Panneau	Taille Classe 43 (42,5 pouces / 107,9 cm)	Classe 49 (48,5 pouces / 123,2 cm)	Classe 55 (54,6 pouces / 138,7 cm)
	Surface d'affichage 941,184 mm (H) x 529,416 mm (V)	1073,78 mm (H) x 604,0 mm (V)	1209,6 mm (H) x 680,4 mm (V)
Nom du modèle	QM65R		QM75R
Panneau	Taille Classe 65 (64,5 pouces / 163,9 cm)	Classe 75 (74,5 pouces / 189,3 cm)	
	Surface d'affichage 1428,48 mm (H) x 803,52 mm (V)	1650,24 mm (H) x 928,26 mm (V)	
Alimentation		AC100-240V~ 50/60Hz Reportez-vous à l'étiquette apposée au dos du produit, car la tension standard peut varier en fonction du pays.	
Considérations environnementales	Fonctionnement	Température: 0 °C ~ 40 °C (32 °F ~ 104 °F) Humidité: 10% à 80%, sans condensation	
	Stockage	Température: -20 °C ~ 45 °C (-4 °F - 113 °F) Humidité: 5% à 95%, sans condensation	

* Ce périphérique est un appareil numérique de Classe B.
* Pour les spécifications détaillées de l'appareil, veuillez visiter le site Web de Samsung Electronics.

Português Características técnicas

Nome do modelo	QM43R	QM49R	QM55R
Painel	Tamanho Classe 43 (42,5 polegadas / 107,9 cm)	Classe 49 (48,5 polegadas / 123,2 cm)	Classe 55 (54,6 polegadas / 138,7 cm)
	Área de visualização 941,184 mm (H) x 529,416 mm (V)	1073,78 mm (H) x 604,0 mm (V)	1209,6 mm (H) x 680,4 mm (V)
Nome do modelo	QM65R		QM75R
Painel	Tamanho Classe 65 (64,5 polegadas / 163,9 cm)	Classe 75 (74,5 polegadas / 189,3 cm)	
	Área de visualização 1428,48 mm (H) x 803,52 mm (V)	1650,24 mm (H) x 928,26 mm (V)	
Fonte de alimentação		AC100-240V~ 50/60Hz Consulte a etiqueta na parte posterior do produto pois a tensão padrão pode variar em países diferentes.	
Características ambientais	Funcionamento	Temperatura: 0 °C ~ 40 °C (32 °F ~ 104 °F) Humidade: 10% - 80%, sem condensação	
	Armazenamento	Temperatura: -20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F) Humidade: 5% - 95%, sem condensação	

* Este dispositivo é um aparelho digital de Classe B.
* Para obter mais informações sobre as especificações do dispositivo, visite o website da Samsung Electronics.

Tiếng Việt Các thông số kỹ thuật

Tên môđen	QM43R	QM49R	QM55R
Màn hình	Kích thước Loại 43 (42,5 inch / 107,9 cm)	Loại 49 (48,5 inch / 123,2 cm)	Loại 55 (54,6 inch / 138,7 cm)
	Vùng hiển thị 941,184 mm (H) x 529,416 mm (V)	1073,78 mm (H) x 604,0 mm (V)	1209,6 mm (H) x 680,4 mm (V)
Tên môđen	QM65R		QM75R
Màn hình	Kích thước Loại 65 (64,5 inch / 163,9 cm)	Loại 75 (74,5 inch / 189,3 cm)	
	Vùng hiển thị 1428,48 mm (H) x 803,52 mm (V)	1650,24 mm (H) x 928,26 mm (V)	
Nguồn điện		AC100-240V~ 50/60Hz Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.	
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 0 °C ~ 40 °C (32 °F ~ 104 °F) Độ ẩm: 10% ~ 80%, không ngưng tụ	
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20 °C ~ 45 °C (-4 °F ~ 113 °F) Độ ẩm: 5% ~ 95%, không ngưng tụ	

* Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B.
* Để xem thông số kỹ thuật chi tiết của thiết bị, hãy truy cập trang web của Samsung Electronics.

繁體中文 規格

型號名稱	QM43R	QM49R	QM55R
指定型號名稱	LH43QMRE	LH49QMRE	LH55QMRE
面板	大小 (需沿屏幕表面測量對角) 42.5 英吋 (107.9 公分)	48.5 英吋 (123.2 公分)	54.6 英吋 (138.7 公分)
	可視面積 (需沿屏幕表面測量) 941.184 公釐 (水平) x 529.416 公釐 (垂直)	1073.78 公釐 (水平) x 604.0 公釐 (垂直)	1209.6 公釐 (水平) x 680.4 公釐 (垂直)
型號名稱	QM65R		QM75R
指定型號名稱	LH65QMRE		LH75QMRE
面板	大小 (需沿屏幕表面測量對角) 64.5 英吋 (163.9 公分)	74.5 英吋 (189.3 公分)	
	可視面積 (需沿屏幕表面測量) 1428.48 公釐 (水平) x 803.52 公釐 (垂直)	1650.24 公釐 (水平) x 928.26 公釐 (垂直)	
電源		AC100-240V~ 50/60Hz 請參閱產品後方的標籤，不同國家地區的標準電壓不盡相同。	
環境因素	工作	溫度: 0 °C ~ 40 °C (32 °F ~ 104 °F) 濕度: 10% ~ 80%、無冷凝	
	存放	溫度: -20 °C ~ 45 °C (-4 °F ~ 113 °F) 濕度: 5% ~ 95%、無冷凝	

* 此裝置為 B 類數位設備。
* 如需詳細的裝置規格，請造訪三星電子網站。
* QM43R：耗電量（額定）：100 W
QM49R：耗電量（額定）：125 W
QM55R：耗電量（額定）：130 W
QM65R：耗電量（額定）：165 W
QM75R：耗電量（額定）：210 W

RoHS

設備名稱：彩色顯示器
Equipment name
型號（型式）：LH43QMRE / LH49QMRE / LH55QMRE / LH65QMRE / LH75QMRE
Type designation (Type)

單元 Unit	限制物質及其化學符號 Restricted substances and its chemical symbols					
	鉛 Lead (Pb)	汞 Mercury (Hg)	鎘 Cadmium (Cd)	六價鉻 Hexavalent chromium (Cr ⁶⁺)	多溴聯苯 Polybrominated biphenyls (PBB)	多溴二苯醚 Polybrominated diphenyl ethers (PBDE)
電路板	–	0	0	0	0	0
外殼	–	0	0	0	0	0
金屬零件	–	0	0	0	0	0
玻璃面板	–	0	0	0	0	0
揚聲器	0	0	0	0	0	0
配件 (例：線材、遙控器)	–	0	0	0	0	0

備考1. “0” 係指該項限制物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。
Note 1: “0” indicates that the percentage content of the restricted substance does not exceed the percentage of reference value of presence.
備考2. “–” 係指該項限制物質為排除項目。
Note 2: The “–” indicates that the restricted substance corresponds to the exemption.

المواصفات		اسم الموديل	
QM55R	QM49R	QM43R	الحجم
55 الفئة (54.6 بوصة / 138.7 سم)	49 الفئة (48.5 بوصة / 123.2 سم)	43 الفئة (42.5 بوصة / 107.9 سم)	لوحة منطقة العرض
1209.6 ملم (أفقي) x 680.4 ملم (رأسي)	1073.78 ملم (أفقي) x 604.0 ملم (رأسي)	941.184 ملم (أفقي) x 529.416 ملم (رأسي)	
اسم الموديل		QM65R	الحجم
لوحة		65 الفئة (64.5 بوصة / 163.9 سم)	75 الفئة (74.5 بوصة / 189.3 سم)
منطقة العرض		1428.48 ملم (أفقي) x 803.52 ملم (رأسي)	1650.24 ملم (أفقي) x 928.26 ملم (رأسي)
مصدر إمداد الطاقة			
AC100-240V~ 50/60Hz أقلع على المصلق الموجود بالجانب الخلفي من المنتج، حيث قد تختلف الفولتية القياسية باختلاف الدول.			
أثناء التشغيل		درجة الحرارة: 0 إلى 40 درجة مئوية (32 إلى 104 درجة فهرنهايت) الرطوبة: 10 % - 80 %، دون تكاثف	الاعتبارات البيئية
التخزين		درجة الحرارة: -20 إلى 45 درجة مئوية (-4 إلى 113 درجة فهرنهايت) الرطوبة: 5 % - 95 %، دون تكاثف	

* هذا الجهاز هو جهاز رقمياً من الدرجة ب.
* للاطلاع على مواصفات الجهاز بالتفصيل، يُرجى زيارة الموقع الإلكتروني لشركة Samsung Electronics.